

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **156**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 04 - 2024
V/v ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Luân
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình
Ông Huỳnh Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 627/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1999. Địa chỉ: ấp V, H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 4 năm 2023 nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn A trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị D quen biết tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới vào năm 2018 theo phong tục tập quán. Nhưng chưa đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống anh chị chưa có con chung. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau. Dù cả hai đã cho nhau nhiều cơ hội để sửa đổi tính tình nhưng cả hai không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Nay anh thấy rằng hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể kéo dài nên anh yêu cầu được ly hôn với chị D. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Nguyễn Thị D: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các thủ tục tố tụng nhưng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Anh Tuấn A và chị D không có đăng ký kết hôn theo quy định, nên xác định hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Đề nghị không công nhận anh Tuấn A và chị D là vợ chồng.

Về con chung anh Tuấn A và chị D không có con chung nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; buộc anh Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tuấn A khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị D, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị D với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa, anh Tuấn A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh, chị không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh, chị theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì anh Tuấn A và chị D không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Tuấn A xác định không có con chung, chị D đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến. Do đó, HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Anh Tuấn A xác định không có, chị D không có ý kiến và không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn, do đó anh Tuấn A phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận Anh Nguyễn Tuấn A và chị Nguyễn Thị D là vợ chồng.
2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Tuấn A xác định không có, chị D không có ý kiến và không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) buộc anh Tuấn A phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Tuấn A đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002189 ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Anh Tuấn A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

